

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2018/DS-PT

Ngày 17– 10 – 2018

V/v Kiện vi phạm nghĩa vụ
trả nợ tiền thuê khoán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Thanh Huyền.

2. Ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2018/TLPT – DS ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc “*Kiện vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền thuê khoán tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS - ST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 139/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp W.

Địa chỉ: Đường M, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Quốc T - Sinh năm 1969 – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc công ty (theo Giấy ủy quyền số 71/GUQ – CT ngày 21/8/2018); có mặt.

- Đồng bị đơn:

1. Ông Võ Quốc M và bà Nguyễn Thị H (bà H ủy quyền cho ông M theo văn bản ủy quyền ngày 13/12/2017). Ông Võ Quốc M - Sinh năm 1969; có mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã EK, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị B (bà B ủy quyền cho ông D theo văn bản ủy quyền ngày 18/01/2017). Ông Nguyễn Văn D – Sinh năm 1979; có mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã EK, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của ông M, ông D: Ông Phạm Công U – sinh năm 1963; có mặt

Trú tại: THĐ, Quận I, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy ủy quyền ngày 16 tháng 10 năm 2018; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Đồng bị đơn ông Võ Quốc M và ông Nguyễn Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Quốc T trình bày:

1. Đối với hộ ông Võ Quốc M, bà Nguyễn Thị H:

Hộ ông Võ Quốc M, bà Nguyễn Thị H nhận khoán với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp W 1,6 ha, trong đó 0,7 ha nhận sang nhượng của ông Phan Khắc Tr, nhận sang nhượng của ông Trần V 0,3ha và 0,6 ha của ông Nguyễn Hữu Đ, toàn bộ diện tích 1,6 ha ông M đã ký hợp đồng giao khoán với Công ty. Sau khi nhận chuyển nhượng diện tích vườn của các gia đình nêu trên, hộ ông M đã ký hợp đồng giao khoán với Công ty vào năm 2000 và 2001, đến năm 2012 do chuyển đổi Công ty nên hộ ông M đã ký lại hợp đồng năm 2012 và đã thanh lý hợp đồng năm 2000 và 2001.

Theo biên bản đối chiếu công nợ giữa hộ ông Võ Quốc M với Công ty cũng như theo hợp đồng nhận khoán, hộ ông Võ Quốc M còn nợ của Công ty tổng cộng 11.604,8 kg cà phê quả tươi, trong đó nợ cũ từ năm 2015 trở về trước là 8.302,7 kg cà phê quả tươi và nợ sản lượng năm 2016 là 3.302,1 kg cà phê quả tươi. Kể từ khi đối chiếu công nợ, đã nhiều lần Công ty yêu cầu hộ ông M giao nộp sản lượng nhưng hộ ông M không giao nộp, vì vậy Công ty khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc hộ ông Võ Quốc M phải giao nộp số nợ sản lượng cà phê quả tươi cho Công ty là 11.604,8 kg.

2. Đối với hộ ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị B:

Năm 2012 hộ ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị B ký hợp đồng giao khoán với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp W, vợ chồng ông D nhận diện tích 1,0ha có nguồn gốc từ ông Nguyễn Thanh T1 (bố của ông D), trên đất gồm có 1.100 cây cà phê kinh doanh, được trồng từ năm 1997.

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2016 Công ty yêu cầu hộ ông D nộp số nợ sản lượng cà phê quả tươi từ năm 2012 đến năm 2016 là 5.419,9 kg, trong đó nợ

cũ 3.501,4 kg, nợ của năm 2016 là 1.918,5 kg; Sau khi khởi kiện, hộ ông D đã nộp thêm sản lượng, hai bên đã đối chiếu, cho nên Công Ty đã có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 01/3/2017, chỉ yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn D, bà Lê Thị B trả nợ sản lượng là 5.089,9 kg cà phê quả tươi

Bị đơn ông Võ Quốc M trình bày:

Gia đình ông từ Bắc vào tại xã EK, huyện C từ năm 2000. Năm 2000 gia đình ông có mua lại của ông Phan Khắc Tr 0,7ha đất, năm 2003 mua của ông Trần V 0,3ha đất và năm 2007 mua của ông Nguyễn Hữu Đ 0,6ha. Nguồn gốc các thửa đất trên đều do các hộ dân khai hoang, trồng trước từ trước năm 1996. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông trực tiếp chăm sóc cây trồng và hàng năm đều nộp sản lượng giao khoán theo hợp đồng năm 1997. Đến năm 2012, Công ty đưa đến cho gia đình ông hợp đồng giao khoán mới và nói rằng muốn tiếp tục sử dụng đất thì phải ký vào hợp đồng này và vì sợ không được tiếp tục sử dụng đất buộc gia đình ông phải ký.

Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2016 ông xác định còn nợ của Công ty 8.302,7 kg cà phê quả tươi. Tuy nhiên, việc ký xác nhận số nợ này do ông bị ép buộc. Đối với sản lượng nợ năm 2016 là 3.302,1kg cà phê quả tươi gia đình ông không chấp nhận trả vì năm 2016 bị hạn hán, mất mùa, thu không đủ đầu tư và chăm sóc. Ông yêu cầu Công ty làm rõ các mục đóng Bảo hiểm cho các hộ nhận khoán và các khoản đầu tư trong 03 năm đầu.

Ngày 26/9/2017 ông Võ Quốc M có đơn khởi kiện phản tố và đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Công ty hủy bỏ hợp đồng giao khoán ký kết giữa Công ty với hộ gia đình ông năm 2012 và toàn bộ các giao dịch trước đây liên quan đến việc giao khoán vườn cây, yêu cầu hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho Công ty W.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Trước đây cha ông là Nguyễn Thanh T1 nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn Th 1,2 ha đất liên kết, việc chuyển giao đất giữa cha ông và ông thực hiện từ năm 2000. Đến năm 2012 Công ty đã mang sổ giao khoán đến cho gia đình ông và yêu cầu gia đình ông ký kết vào sổ giao khoán.

Đối với số nợ sản lượng cà phê cũ Công ty yêu cầu gia đình ông trả 3.301,6 kg cà phê quả tươi, ông yêu cầu Công ty xem xét lại vì những năm này cà phê gần như mất mùa, hạn hán kéo dài, Công ty không đầu tư cho dân. Còn số nợ của năm 2016 ông không chấp nhận trả vì hiện gia đình ông đang kiến nghị các cơ quan chức năng.

Ông yêu cầu Công ty hủy bỏ hợp đồng giao khoán ký kết giữa Công ty với hộ gia đình ông năm 2012 vì khi ký hợp đồng giao khoán, vợ chồng ông bị ép buộc, Công ty không đầu tư bất cứ tài sản nào được ghi nhận trong nội dung thỏa thuận giữa các bên tại hợp đồng giao khoán về việc giao nhận vườn cây cà phê quốc doanh giữa Công ty với vợ chồng ông.

Ngày 14/9/2017 ông D có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho Công ty W và ngày 26/9/2017 ông D có đơn phản tố yêu cầu Công ty hủy bỏ hợp đồng giao khoán ký kết giữa Công ty với hộ gia đình ông năm 2012.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2018/DS - ST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Khoản 1 Điều 192; Khoản 2, 3 Điều 200 và khoản 2 Điều 201; Điểm g khoản 1 Điều 217 và khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng các Điều 501, 506 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 24 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp W.

1. Buộc ông Võ Quốc M và bà Nguyễn Thị H phải trả sản lượng 11.604,8 kg cà phê quả tươi cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp W

2. Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị B phải trả sản lượng 5.089,9 kg cà phê quả tươi cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp W.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện phản tố (về việc yêu cầu hủy bỏ hợp đồng giao khoán) và yêu cầu độc lập (về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty W) của đồng bị đơn Võ Quốc M và ông Nguyễn Văn D.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị đơn đều vắng mặt. Ngày 02/8/2018 đồng bị đơn ông Võ Quốc M và ông Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đồng bị đơn ông Võ Quốc M và ông Nguyễn Văn D vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của đồng bị đơn ông M và ông D là không có cơ sở. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Võ Quốc M và ông Nguyễn Văn D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Đối với sản lượng hộ ông Võ Quốc M và hộ ông Nguyễn Văn D nợ Công ty từ năm 2015 trở về trước:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Quốc M và ông Nguyễn Văn D đều thừa nhận chữ ký tại mục bên nhận nợ trong các biên bản đối chiếu công nợ với Công ty là chữ ký của mình. Ông M, ông D cho rằng do bị phía Công ty đe dọa nên phải ký nhận nợ. Tuy nhiên, cả ông M và ông D đều không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho trình bày của mình.

[2]. Đối với sản lượng năm 2016: Cả ông M và ông D đều không chấp nhận trả sản lượng với lý do năm 2016 bị hạn hán, mất mùa, thu không đủ đầu tư và chăm sóc. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 3 trong sổ giao khoán vườn cà phê giữa Công ty với các hộ đều có nội dung: “Do các yếu tố khách quan như hạn hán kéo dài, sâu bệnh trên diện rộng không khắc phục được, gây thiệt hại đến sản lượng Cà phê, bên B phải mời bên A đi kiểm tra xem xét mức độ thiệt hại trước khi thu hoạch hằng năm để có hướng giảm sản phần giao nộp”. Do năm 2016 có hạn hán nên Công ty đã giảm 15% sản lượng hỗ trợ hạn hán cho các hộ nên việc gia đình ông M, ông D không đồng ý trả sản lượng năm 2016 với lý do hạn hán là không có cơ sở.

[3]. Đối với yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của ông Võ Quốc M và ông Nguyễn Văn D yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Công ty W, hủy bỏ hợp đồng giao khoán được ký kết giữa công ty với hai hộ gia đình. HĐXX thấy rằng: Vào các ngày 22 và 23 tháng 02 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện CưM'gar đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự. Tuy nhiên, đến tháng 9/2017, ông M và

ông D mới có đơn yêu cầu độc lập là không đúng thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật dân sự nên việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nói trên, HĐXX thấy rằng đơn kháng cáo đồng bị đơn ông Võ Quốc M và ông Nguyễn Văn D là không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Võ Quốc M và ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Võ Quốc M và ông Nguyễn Văn D. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp W.

[1.1]. Buộc ông Võ Quốc M và bà Nguyễn Thị H phải trả sản lượng 11.604,8 kg cà phê quả tươi cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp W

[1.2]. Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị B phải trả sản lượng 5.089,9 kg cà phê quả tươi cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp W.

[1.3]. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện phản tố (về việc yêu cầu hủy bỏ hợp đồng giao khoán) và yêu cầu độc lập (về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty W) của đồng bị đơn Võ Quốc M và ông Nguyễn Văn D.

[2]. Về án phí:

[2.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp W không phải chịu tiền án phí dân sự, hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp W tổng số tiền 3.407.400 đ (Ba triệu bốn trăm lẻ bảy ngàn, bốn trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0042376, 0042377 ngày 28/11/2016 (do ông Phan Quốc T nộp) và biên lai số 0040054 ngày 03/3/2017 (do bà Ngô Thị Ái L nộp) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Ông Võ Quốc M và bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.207.000 đ (năm triệu, hai trăm lẻ bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đ đã nộp theo biên lai thu số 0042635 ngày 26/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, ông M bà H còn phải nộp 4.907.000 đ (bốn triệu, chín trăm lẻ bảy ngàn đồng).

- Ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị B phải chịu 2.284.000 đ (hai triệu, hai trăm tám mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đ, theo biên lai thu số 0042615 ngày 15/9/2017 và số 0042639 ngày 27/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, còn lại phải nộp là: 1.684.000 đ (một triệu, sáu trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

[2.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Quốc M và ông Nguyễn Văn D mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng ông Võ Quốc M đã nộp theo biên lai số 0006696 và 300.000 đồng ông Nguyễn Văn D đã theo biên lai số nộp 0006739 ngày 02/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện CưM'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Công Dân